

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 530/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Ông Tống Phước T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số N, đường số I, tổ 24, khu phố L.T, phường PL, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số B đường Phú T, tổ 21, khu phố 2, phường P.T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1979.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân Ông Tống Phước T và bà Nguyễn Thị Bé C thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 86, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2004 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Tống Phước T và bà Nguyễn Thị Bé C có 01 (Một) con chung là trẻ Tống Phước H (Nam), sinh ngày 21/4/2000 nay đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông Tống Phước T và bà Nguyễn Thị Bé C xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Tống Phước T và bà Nguyễn Thị Bé C xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tống Phước T chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0031425 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, HS (Đức).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy